

NGHỊ QUYẾT

Thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2019

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ TÁM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Quyết định số 1873/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2018; Quyết định số 1872/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ vốn từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2018 cho các địa phương thực hiện các nhiệm vụ cấp bách;

Căn cứ Quyết định số 341/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án xử lý cấp bách các công trình hồ chứa nước bị hư hỏng do ảnh hưởng bão, lũ năm 2017 và các hồ chứa có nguy cơ mất an toàn cao;

Căn cứ Quyết định số 896/QĐ-BKHĐT ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương (bao gồm vốn trái phiếu Chính phủ) giai đoạn 2016-2020 và năm 2019 (đợt 2);

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước thông qua kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019;

Xét Tờ trình số 30/TTr-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2019 và Tờ trình số 40/TTr-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 23/BC-HĐND-KTNS ngày 20 tháng 6 năm 2019, Báo cáo thẩm tra bổ sung số 33/BC-HĐND-KTNS ngày 02 tháng 7 năm 2019 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2019 như sau:

Tổng kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2019 là 4.003 tỷ 397 triệu đồng, tăng 865 tỷ 920 triệu đồng so với kế hoạch vốn theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh, bao gồm:

I. Vốn ngân sách Trung ương (nguồn dự phòng) tăng so với kế hoạch đầu năm là: 75 tỷ đồng.

II. Vốn ngân sách địa phương tăng so với kế hoạch đầu năm là: 790 tỷ 920 triệu đồng.

Trong đó:

1. Tiền sử dụng đất tăng: 684 tỷ 100 triệu đồng.

Chia ra:

- Tiền sử dụng đất khối tỉnh tăng: 490 tỷ đồng.

- Tiền sử dụng đất khối huyện tăng: 194 tỷ 100 triệu đồng.

2. Nguồn thu xổ số kiến thiết tăng: 106 tỷ 820 triệu đồng.

III. Phương án bố trí kế hoạch vốn điều chỉnh: 4.003 tỷ 397 triệu đồng.

1. Vốn trong nước nguồn ngân sách Trung ương: 462 tỷ 602 triệu đồng.

2. Vốn trái phiếu Chính phủ: 66 tỷ đồng.

3. Vốn nước ngoài: 49 tỷ 508 triệu đồng.

4. Vốn ngân sách địa phương: 3.425 tỷ 287 triệu đồng.

(Kèm theo biểu số 1, phụ lục 1.1, 1.2, biểu số 2, 3, 4, phụ lục 4.1, 4.2, 4.3)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX, kỳ họp thứ tám thông qua ngày 03 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về thông qua kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019./.

Nơi nhân:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TTTU, TT.HĐND, Đoàn ĐBQH, UBND, BTT.UBMTTQ tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT.



Trần Tuệ Hiền



BIỂU TÍNH HỢP KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
 (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn giao đầu năm theo NQ 11/NQ-HĐND			Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2019			Tăng
		Tổng số	Trong nước	Ngoài nước	Tổng số	Trong nước	Ngoài nước	
	TỔNG SỐ	3.137.477	3.087.969	49.508	4.003.397	3.953.889	49.508	865.920
I	Nguồn ngân sách trung ương	503.110	453.602	49.508	578.110	528.602	49.508	75.000
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	115.792	115.792	-	115.792	115.792	-	-
-	Chương trình giảm nghèo bền vững	23.392	23.392		23.392	23.392		
-	Chương trình nông thôn mới	92.400	92.400		92.400	92.400		
2	Các chương trình mục tiêu	271.810	271.810		271.810	271.810		
3	Trái phiếu Chính phủ	66.000	66.000		66.000	66.000		
4	Vốn nước ngoài (ODA)	49.508		49.508	49.508		49.508	
5	Hỗ trợ vốn từ nguồn dự phòng NSTW				75.000	75.000		75.000
II	Nguồn ngân sách địa phương	2.634.367	2.634.367	-	3.425.287	3.425.287	-	790.920
1	Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức quy định tại Quyết định 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ	516.905	516.905		516.905	516.905		
2	Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	1.637.462	1.637.462	-	2.321.562	2.321.562	-	684.100
-	Khối tỉnh	650.000	650.000		1.140.000	1.140.000		490.000
-	Khối huyện, thị, thành phố	987.462	987.462		1.181.562	1.181.562		194.100
3	Vốn Xổ số kiến thiết	460.000	460.000		566.820	566.820		106.820
4	Nguồn hỗ trợ của TP. HCM	20.000	20.000		20.000	20.000		

BIỂU SỐ 1
KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU NĂM 2019
QUẢN LÝ QUẢN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
 (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư					Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2018			Kế hoạch vốn giao đầu năm 2019		Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2019		Tổng	Chủ đầu tư	
		Số quyết định đầu tư, ngày, tháng, năm	TMB				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW										
	Tổng cộng		1.683.145	1.486.816	1.347.501	1.347.501	30.000	488.378	488.378	-	387.602	30.000	462.602	30.000	75.000	
A	Chương trình mục tiêu quốc gia				478.811	478.811	-	217.378	217.378	-	115.792	-	115.792	-	-	
I	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững				86.871	86.871		60.108	60.108		23.392		23.392			Kém theo phụ lục 1.1
II	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới				391.940	391.940		157.270	157.270		92.400		92.400			Kém theo phụ lục 1.2
B	Các chương trình mục tiêu		1.545.145	1.411.816	868.690	868.690	30.000	271.000	271.000	-	271.810	30.000	271.810	30.000	-	
I	Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng		626.920	596.000	548.000	548.000	-	180.000	180.000	-	196.810	-	196.810	-	-	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		626.920	596.000	548.000	548.000	-	180.000	180.000	-	196.810	-	196.810	-	-	
1	Đường từ ngã 3 Vườn Chuối (Quốc lộ 14) đến khu vực trang cò Bù Lạch (thuộc tour du lịch nối với Khu bảo tồn văn hóa dân tộc Stiêng Sok Bom Bo) xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng	2403/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 988/QĐ-UBND ngày 26/4/2017	100.000	100.000	90.000	90.000		40.000	40.000		30.000		30.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
2	Nâng cấp đường ĐT 755 đoạn từ thị trấn Đức Phong đi Lam Sơn huyện Bù Đăng	994/QĐ-UBND ngày 26/4/2017	66.000	66.000	60.000	60.000		13.000	13.000		12.000		12.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
3	Đường tránh nội ô thị xã Đồng Xoài (Kết nối ĐT 741 với QL 14)	1593/QĐ-UBND ngày 28/6/2017	109.920	90.000	80.000	80.000		33.000	33.000		47.000		47.000			UBND Thành phố Đồng Xoài
4	Đường trục chính khu trung tâm hành chính huyện Phú Riềng	1322/QĐ-UBND ngày 31/5/2017	77.000	77.000	70.000	70.000		23.000	23.000		16.000		16.000			UBND huyện Phú Riềng
5	Trụ sở huyện ủy, trụ sở HĐND-UBND, hội trường và trụ sở khối đoàn thể huyện Phú Riềng	1038a/QĐ-UBND ngày 28/4/2017	77.000	77.000	70.000	70.000		21.000	21.000		16.000		16.000			UBND huyện Phú Riềng
6	Các tuyến đường nối QL 14 với khu dân cư Ấp 1 xã Tiến Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	2152/QĐ-UBND ngày 30/8/2017	117.000	106.000	106.000	106.000		20.000	20.000		55.810		55.810			Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
7	Nâng cấp, mở rộng đường Phan Chu Trinh kết nối với QL 13 huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	2807/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	80.000	80.000	72.000	72.000		30.000	30.000		20.000		20.000			UBND huyện Lộc Ninh
II	Chương trình mục tiêu cấp điện nông thôn miền núi và hải đảo		676.725	575.216	99.000	99.000	-	35.000	35.000	-	10.000	-	10.000	-	-	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		676.725	575.216	99.000	99.000	-	35.000	35.000	-	10.000	-	10.000	-	-	
1	Cấp điện nông thôn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013-2020	1153/QĐ-UBND ngày 04/6/2014	676.725	575.216	99.000	99.000		35.000	35.000		10.000		10.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
III	Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao		110.000	110.000	101.690	101.690		13.000	13.000		15.000		15.000		-	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		110.000	110.000	101.690	101.690		13.000	13.000		15.000		15.000		-	
1	Xây dựng hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư	1246/QĐ-UBND ngày 23/5/2017	110.000	110.000	101.690	101.690		13.000	13.000		15.000		15.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
IV	Chương trình mục tiêu Giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn		45.000	44.100	40.000	40.000		13.000	13.000		10.000		10.000		-	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		45.000	44.100	40.000	40.000		13.000	13.000		10.000		10.000		-	
1	Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS Bù Đốp	1836/QĐ-UBND ngày 31/7/2017	45.000	44.100	40.000	40.000		13.000	13.000		10.000		10.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
V	Chương trình mục tiêu quốc gia phòng an ninh trên địa bàn trọng điểm		55.000	55.000	50.000	50.000		30.000	30.000		10.000		10.000		-	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		55.000	55.000	50.000	50.000		30.000	30.000		10.000		10.000		-	
1	Đường nhựa vào các Đồn biên phòng Thanh Hòa, Đắk O, Bù Gia Mập và cụm dân cư Bù Gia Mập	2404/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 990/QĐ-UBND ngày 26/4/2017	55.000	55.000	50.000	50.000		30.000	30.000		10.000		10.000			Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng
VI	Thu hồi các khoản vốn ứng trước		31.500	31.500	30.000	30.000	30.000				30.000	30.000	30.000	30.000	-	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020			Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2018			Kế hoạch vốn giao đầu năm 2019		Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2019		Tổng	Chủ đầu tư
		Số quyết định đầu tư, ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW									
1	Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt tập trung liên xã Bù Nho - Long Tân	2737/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000				10.000	10.000	10.000	10.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
2	Sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã An Khương	2944/QĐ-UBND ngày 16/11/2016	11.500	11.500	10.000	10.000	10.000				10.000	10.000	10.000	10.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
3	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Bù Môn	2695/QĐ-UBND ngày 26/10/2016	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000				10.000	10.000	10.000	10.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
C	Hỗ trợ từ nguồn dự phòng NSTW		138.000	75.000	-	-	-	-	-	-	-	-	75.000	-	75.000	
1	Xử lý sạt lở đảm bảo giao thông khẩn cấp đoạn Km 16 + 000 - Km21 + 369 đường Sao Bông - Đăng Hà	1873/QĐ-TTg ngày 30/12/2018; 75/HĐND ngày 13/5/2019	70.000	40.000										40.000	40.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
2	Các dự án xử lý cấp bách các công trình hồ chứa nước		20.000	20.000										20.000	20.000	
2.1	Bầu Úm	341/QĐ-TTg ngày 28/3/2019	5.000	5.000										5.000	5.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
2.2	Đạ Bơ	341/QĐ-TTg ngày 28/3/2019	5.000	5.000										5.000	5.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
2.3	Suối Phên	341/QĐ-TTg ngày 28/3/2019	5.000	5.000										5.000	5.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
2.4	Bầu Sen	341/QĐ-TTg ngày 28/3/2019	5.000	5.000										5.000	5.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
3	Dự án hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho ĐBDTTS xã Đăk O (hạng mục từ thôn cây đa, xã Phú Văn đến thôn Đăk Á xã Bù Gia Mập)	1872/QĐ-TTg ngày 30/12/2018	48.000	15.000										15.000	15.000	UBND huyện Bù Gia Mập

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NGUỒN NSTW NĂM 2019
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 05 tháng 1 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)



ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án công trình	Kế hoạch vốn giao năm 2019	Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2019	Đơn vị	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	23.392	23.392		
I	Huyện Bù Đốp	3.950	3.950	UBND huyện Bù Đốp	
I	Xã ĐBK	2.600	2.600		
a	Xã Hưng Phước (xã khu vực III, xã ĐBK)	1.300	1.300		
b	Xã Phước Thiện (xã khu vực III, xã ĐBK)	1.300	1.300		
2	Thôn, ấp ĐBK	1.350	1.350		
a	Xã Thanh Hòa (xã khu vực II, có 04 ấp ĐBK: ấp 2, ấp 4, ấp 5, ấp 8)	960	960		
b	Xã Tân Tiến (xã khu vực II, có 01 thôn ĐBK: thôn Sóc Nê)	240	240		
c	Xã Thiện Hưng (xã khu vực II, có 01 thôn ĐBK: thôn Thiện Cư)	150	150		Xã về đích NTM năm 2017
II	Huyện Đồng Phú	1.492	1.492	UBND huyện Đồng Phú	
I	Xã ĐBK	622	622		
a	Xã Tân Lợi (xã khu vực III; xã ĐBK)	622	622		Xã về đích NTM năm 2017
2	Thôn, ấp ĐBK	870	870		
a	Xã Tân Phước (xã khu vực II, có 01 ấp ĐBK: ấp Năm Đố)	150	150		Xã về đích NTM năm 2017
b	Xã Đồng Tâm (xã khu vực II, có 03 ấp ĐBK: ấp 1, ấp 2, ấp 3)	720	720		
III	Huyện Hớn Quản	1.890	1.890	UBND huyện Hớn Quản	
*	Thôn, ấp ĐBK	1.890	1.890		
a	Xã Thanh An (xã khu vực II, có 03 ấp ĐBK: ấp Xa Cô, ấp Bù Dinh, ấp Phum Lu)	720	720		
b	Xã Phước An (xã khu vực II, có 02 ấp ĐBK: ấp Tổng Cui Lớn, ấp Tổng Cui Nhỏ)	480	480		
c	Xã An Khương (xã khu vực II, có 03 ấp ĐBK: thôn 2, thôn 3, thôn 4)	450	450		Xã về đích NTM năm 2018
d	Xã Tân Hưng (xã khu vực II, có 01 ấp ĐBK: ấp Sóc Quả)	240	240		
IV	Huyện Phú Riềng	1.350	1.350	UBND huyện Phú Riềng	
*	Thôn, ấp ĐBK	1.350	1.350		
a	Xã Long Tân (xã khu vực II, 01 thôn ĐBK: thôn 6)	240	240		
b	Xã Long Hà (xã khu vực II, có 03 thôn ĐBK: thôn Bù Ka 1; Phu Mang 1; Phu Mang 2)	720	720		
c	Xã Phú Riềng (xã khu vực II, có 01 thôn ĐBK: thôn Phú Bình)	150	150		Xã về đích NTM năm 2017
d	Xã Phú Trung (xã khu vực II, có 01 thôn ĐBK: thôn Phú Tiến)	240	240		
V	Huyện Lộc Ninh	5.490	5.490	UBND huyện Lộc Ninh	
I	Xã ĐBK	3.900	3.900		

STT	Tên dự án công trình	Kế hoạch vốn giao đầu năm 2019	Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2019	Đơn vị	Ghi chú
a	Xã Lộc Phú (xã khu vực III, xã ĐBK)K)	1.300	1.300		
b	Xã Lộc Thành (xã biên giới)	1.300	1.300		
c	Xã Lộc Quang (xã khu vực III, xã ĐBK)K)	1.300	1.300		
2	Thôn, ấp ĐBK)K	1.590	1.590		
a	Xã Lộc Hòa (xã khu vực II, có 01 ấp ĐBK)K: ấp Suối Thôn)	240	240		
b	Xã Lộc Tấn (xã khu vực II, có 01 ấp ĐBK)K: ấp Bù Núi B)	150	150		Xã về đích NTM năm 2018
c	Xã Lộc Khánh (xã khu vực II, có 03 ấp ĐBK)K: ấp Ba Ven, Chà Đôn, Sóc Lớn)	720	720		
d	Xã Lộc Thịnh (xã khu vực II, có 02 ấp ĐBK)K: ấp Chà Là, ấp Tà Thiết)	480	480		
VI	Huyện Bù Đăng	2.740	2.740	UBND huyện Bù Đăng	
1	Xã ĐBK)K	1.300	1.300		
a	Xã Đường 10 (xã khu vực III, xã ĐBK)K)	1.300	1.300		
2	Thôn, ấp ĐBK)K	1.440	1.440		
a	Xã Thống Nhất (xã khu vực II, có 01 thôn ĐBK)K: thôn 10)	240	240		
b	Xã Phú Sơn (xã khu vực II, có 01 thôn ĐBK)K: thôn Sơn Tân)	240	240		Xã về đích NTM năm 2018
c	Xã Đăng Hà (xã khu vực II, có 01 thôn ĐBK)K: thôn 5)	240	240		
d	Xã Đak Nhau (xã khu vực II, có 03 thôn ĐBK)K: thôn Đak La, Đak Nung, Đăng Lang)	720	720		
VII	Huyện Bù Gia Mập	5.940	5.940	UBND huyện Bù Gia Mập	
1	Xã ĐBK)K	3.900	3.900		
a	Xã Đak O (xã khu vực III, xã ĐBK)K)	1.300	1.300		
b	Xã Phú Văn (xã khu vực III, xã ĐBK)K)	1.300	1.300		
c	Xã Bù Gia Mập (xã khu vực III, xã ĐBK)K)	1.300	1.300		
2	Thôn, ấp ĐBK)K	2.040	2.040		
a	Xã Phước Minh (xã khu vực II, có 03 thôn ĐBK)K: thôn Bù Tam, Bình Giai, Bình Tiến 1)	720	720		
b	Xã Đa Kia (xã khu vực II, 02 thôn ĐBK)K : thôn Bình Hà 1, Bình Hà 2)	300	300		Xã về đích NTM năm 2018
c	Xã Bình Thắng (xã khu vực II, có 03 thôn ĐBK)K: thôn 6B, thôn 8, thôn 9)	720	720		
d	Xã Đức Hạnh (xã khu vực II, 02 thôn ĐBK)K: Bù Kroai, Sơn Trung)	300	300		Xã về đích NTM năm 2017
VIII	Huyện Chơn Thành	240	240	UBND huyện Chơn Thành	
*	Thôn, ấp ĐBK)K	240	240		
	Xã Quang Minh (xã khu vực II, 01 ấp ĐBK)K: Bàu Teng)	240	240		
IX	Thị xã Phước Long	150	150	UBND thị xã Phước Long	

STT	Tên dự án công trình	Kế hoạch vốn giao đầu năm 2019	Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2019	Đơn vị	Ghi chú
*	Thôn, ấp ĐBK	150	150		
	Xã Long Giang (xã khu vực II, 01 thôn ĐBK: thôn 7)	150	150		Xã về đích NTM năm 2016
X	Thị xã Bình Long	150	150	UBND thị xã Bình Long	
*	Thôn, ấp ĐBK	150	150		
	Xã Thanh Lương (xã khu vực II, 01 ấp ĐBK: Càn Lê)	150	150		Xã về đích NTM năm 2016

*Ghi chú: Giao UBND các huyện, thị xã giao kế hoạch vốn chi tiết cho các dự án đến từng chủ đầu tư theo quy định.



KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN CHUẨN TRÌNH MTQG XD NTM NGUỒN NSTW NĂM 2019

an hành kèm theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án công trình	Kế hoạch vốn giao đầu năm 2019	Kế hoạch vốn điều chỉnh 2019	Đơn vị	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	92.400	92.400		
I	Huyện Lộc Ninh	22.200	23.400	UBND huyện Lộc Ninh	
1	Xã Lộc Thuận	6.400	5.600		Về đích 2019
2	Xã Lộc Điền	6.400	5.600		Về đích 2019
3	Xã Lộc Thịnh	6.400	5.600		Về đích 2019
4	Xã Lộc Quang	1.000	1.000		Xã ĐBK
5	Xã Lộc Phú	1.000	1.000		Xã ĐBK
6	Xã Lộc Thành	1.000	4.600		Xã ĐBK (Trong đó bao gồm 3.600 triệu đồng để thực hiện QĐ số 1385/QĐ- TTg ngày 21/10/2018 của TTCP)
II	Huyện Đồng Phú	13.800	11.200	UBND huyện Đồng Phú	
1	Xã Đồng Tiến	6.400	5.600		Về đích 2019
2	Xã Tân Hưng	6.400	5.600		Về đích 2019
3	Xã Tân Lợi	1.000			
III	Huyện Chơn Thành	12.800	11.200	UBND huyện Chơn Thành	
1	Xã Minh Thắng	6.400	5.600		Về đích 2019
2	Xã Minh Lập	6.400	5.600		Về đích 2019
IV	Huyện Hớn Quản	12.800	11.200	UBND huyện Hớn Quản	
1	Xã Đồng Nơ	6.400	5.600		Về đích 2019
2	Xã Tân Hiệp	6.400	5.600		Về đích 2019
V	Huyện Bù Đăng	7.200	6.550	UBND huyện Bù Đăng	
1	Xã Bom Bo	6.200	5.550		Về đích 2019

STT	Tên dự án công trình	Kế hoạch vốn giao đầu năm 2019	Kế hoạch vốn điều chỉnh 2019	Đơn vị	Ghi chú
2	Xã Đường 10	1.000	1.000		Xã ĐBKK
VI	Huyện Bù Đốp	8.200	11.150	UBND huyện Bù Đốp	
1	Xã Tân Tiến	6.200	5.550		Về đích 2019
2	Xã Hưng Phước	1.000	1.000		Xã ĐBKK
3	Xã Phước Thiện	1.000	4.600		Xã ĐBKK (Trong đó bao gồm 3.600 triệu đồng để thực hiện QĐ số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của TTCP)
VII	Huyện Phú Riềng	6.200	5.550	UBND huyện Phú Riềng	
1	Xã Bình Sơn	6.200	5.550		Về đích 2019
VIII	Huyện Bù Gia Mập	9.200	12.150	UBND huyện Bù Gia Mập	
1	Xã Bình Thắng	6.200	5.550		Về đích 2019
2	Xã Đăk Ô	1.000	4.600		Xã ĐBKK (Trong đó bao gồm 3.600 triệu đồng để thực hiện QĐ số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của TTCP)
3	Xã Bù Gia Mập	1.000	1.000		Xã ĐBKK
4	Xã Phú Văn	1.000	1.000		Xã ĐBKK

*Ghi chú: Giao UBND các huyện, thị xã giao kế hoạch vốn chi tiết cho các dự án đến từng chủ đầu tư theo quy định.



Biểu số 2

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
TỪ NGUỒN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn trung hạn 2016- 2020	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2018	Kế hoạch vốn giao đầu năm 2019	Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2019	Chủ đầu tư
			TMĐT						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: TPCP					
	TỔNG SỐ		800.000	760.000	750.000	684.000	66.000	66.000	
I	Y tế		700.000	660.000	660.000	594.000	56.000	56.000	
	Nâng cấp, mở rộng bệnh viện đa khoa tỉnh từ 300 giường lên 600 giường bệnh	2446a/QĐ-UBND ngày 29/9/2017	700.000	660.000	660.000	594.000	56.000	56.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
II	Giáo dục và Đào tạo		100.000	100.000	90.000	90.000	10.000	10.000	
	Kiên cố hóa phòng học tạm, phòng học bán kiên cố cấp học mầm non và tiểu học cho vùng đồng bào DTTS, vùng sâu, vùng xa theo Quyết định 204/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ ⁽¹⁾	1373/QĐ-UBND ngày 8/6/2017	100.000	100.000	90.000	90.000	10.000	10.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh

Ghi chú: ⁽¹⁾ khi có chỉ tiêu giao chính thức của TW Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2019

Biểu số 3

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI (ODA) NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư								Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016 - 2020			Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã giao đến hết năm 2018			Kế hoạch vốn giao đầu năm 2019	Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2019	Chủ đầu tư	
		Số quyết định	TMBT								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				Vốn đối ứng NSĐP		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)	Vốn đối ứng NSĐP		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)				
				Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tính bằng bảng nguyên tệ (ngàn USD)	Quy đổi ra tiền Việt												
							Tổng số	Trong đó:											
					Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại													
	TỔNG SỐ		495.558	43.627	-	20.338	451.931	316.351	135.579	25.000	25.000	-	14.304	14.304	-	49.508	49.508		
I	Dự án đã ký hiệp định vay với nhà tài trợ đề nghị bổ sung vốn vào kế hoạch trung hạn và vốn năm 2019		495.558	43.627	-	20.338	451.931	316.351	135.579	25.000	25.000	-	14.304	14.304	-	49.508	49.508		
1	Dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiêu dự án tỉnh Bình Phước	QĐ số 2016/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 và số 920/QĐ-UBND ngày 17/4/2017	495.558	43.627		20.338	451.931	316.351	135.579	25.000	25.000		14.304	14.304		49.508	49.508	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	

Ghi chú: Khi có chi tiêu giao chính thức của TW Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2019

Biểu số 4

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn giao đầu năm 2019					Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2019					Chủ đầu tư	Ghi chú
		Tổng cộng	Vốn đầu tư trong cân đối	Thu XSKT	Hỗ trợ của TPHCM	Tổng cộng	Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Hỗ trợ của TPHCM			
	TỔNG CỘNG	2.634.300	416.905	1.637.462	460.000	20.000	3.425.287	516.905	2.321.562	566.820	20.000		
A	Trả nợ	117.000	117.000	-	-	-	117.000	117.000	-	-	-		
-	Trả nợ vay tín dụng ưu đãi 2011-2015	47.000	47.000				47.000	47.000				Sở Tài chính	
-	Hoàn trả nguồn cải cách tiền lương	70.000	70.000				70.000	70.000				Sở Tài chính	
B	Vốn huyện, thị, thành phố quản lý	1.481.712	234.250	1.247.462	-	-	1.817.012	234.250	1.582.762	-	-		
I	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	1.351.712	234.250	1.117.462	-	-	1.687.012	234.250	1.452.762	-	-		
1	Thành phố Đồng Xoài	254.890	22.890	232.000			294.890	22.890	272.000				
	Trong đó:												
-	Hỗ trợ thành phố Đồng Xoài GPMB dự án xây dựng hệ và nạo vét hồ Suối Cam	130.000		130.000			130.000		130.000				
-	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	30.600		30.600			30.600		30.600				
2	Thị xã Bình Long	69.100	20.760	48.340			121.760	20.760	101.000				
	Trong đó:												
-	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	14.500		14.500			14.500		14.500				
3	Thị xã Phước Long	360.640	18.640	342.000			350.440	18.640	331.800				
	Trong đó:												
-	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	102.600		102.600			99.540		99.540				
4	Huyện Đồng Phú	74.210	21.690	52.520			120.060	21.690	98.370				
	Trong đó:												
-	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	15.750		15.750			15.750		15.750				
	Tình hỗ trợ xây dựng 120 km đường giao thông nông thôn						35.850		35.850				
5	Huyện Bù Đăng	85.410	24.490	60.920			109.310	24.490	84.820				
	Trong đó:												
-	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	18.270		18.270			18.270		18.270				
	Tình hỗ trợ xây dựng 80 km đường giao thông nông thôn						13.900		13.900				
6	Huyện Bù Gia Mập	47.850	21.290	26.560			76.200	21.290	54.910				
	Trong đó:												
-	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	7.970		7.970			7.970		7.970				
	Tình hỗ trợ xây dựng 70 km đường giao thông nông thôn						24.400		24.400				
7	Huyện Chơn Thành	183.330	20.890	162.440			185.220	20.890	164.330				
	Trong đó:												
-	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	48.700		48.700			48.700		48.700				
8	Huyện Hớn Quản	40.142	20.890	19.252			65.242	20.890	44.352				
	Trong đó:												
-	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	5.770		5.770			5.770		5.770				
	Tình hỗ trợ xây dựng 90 km đường giao thông nông thôn						22.300		22.300				
9	Huyện Lộc Ninh	81.390	23.420	57.970			93.770	23.420	70.350				
	Trong đó:												
-	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	17.390		17.390			17.390		17.390				

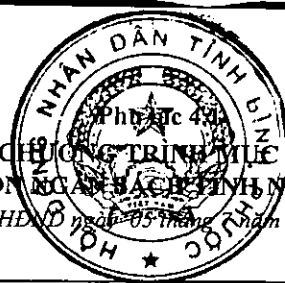
STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn giao đầu năm 2019					Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2019					Chủ đầu tư	Ghi chú	
		Tổng cộng	Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Hỗ trợ của TPHCM	Tổng cộng	Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Hỗ trợ của TPHCM			
	Tình hỗ trợ xây dựng 100 km đường giao thông nông thôn						12.380		12.380					
10	Huyện Bù Đốp	61.620	19.300	42.320			102.090	19.300	82.790					
	Trong đó:													
-	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	12.700		12.700			12.700		12.700					
	Tình hỗ trợ xây dựng 70 km đường giao thông nông thôn						10.470		10.470					
11	Huyện Phú Riềng	93.130	19.990	73.140			168.030	19.990	148.040					
	Trong đó:													
-	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	21.950		21.950			21.950		21.950					
	Tình hỗ trợ xây dựng 80 km đường giao thông nông thôn						21.900		21.900					
II	Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới	130.000		130.000			130.000		130.000					Kèm theo phụ lục 4.1
C	Chương trình đầu tư phát triển kinh tế xã hội tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia (theo QĐ 160/2007/QĐ-TTg, ngày 17/10/2007)	7.500	7.500				7.500	7.500					Đầu tư cho 15 xã biên giới, định mức 500 triệu đồng/xã	Giao UBND huyện phân bổ chi tiết vốn cho từng dự án
1	Huyện Bù Gia Mập	1.000	1.000				1.000	1.000						
2	Huyện Bù Đốp	3.000	3.000				3.000	3.000						
3	Huyện Lộc Ninh	3.500	3.500				3.500	3.500						
D	Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS giai đoạn 2019-2020	10.000	10.000				16.700	10.000	6.700				UBND các huyện	Giao Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh phân bổ chi tiết
E	Bổ sung vốn điều lệ của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã (theo QĐ 23/2017/QĐ-TTg ngày 22/6/2017 của Thủ tướng CP)	3.000	3.000				3.000	3.000					Liên Minh hợp tác xã tỉnh	
F	Vốn chuẩn bị đầu tư cho các dự án giai đoạn 2020-2025	31.740			31.740		32.181			32.181				Kèm theo phụ lục 4.2
G	Vốn lập quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật quy hoạch						10.000			10.000				Sở KH&ĐT
H	Tất toán các công trình đã quyết toán						19.342			19.342				kèm theo phụ lục 4.3
I	Vốn thực hiện dự án	983.415	145.155	390.000	428.260	20.000	1.239.382	145.155	568.930	505.297	20.000			
	Dự án chuyển tiếp sang năm 2019	434.960	14.800	226.000	174.160	20.000	424.580	14.800	220.620	169.160	20.000			
I	Đổi ứng các dự án ODA	10.600			10.600		10.600			10.600				
1	Dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước	10.600			10.600		10.600			10.600			Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
II	Nông lâm nghiệp và nông thôn	78.000	3.000		75.000		78.000	3.000		75.000				

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn giao đầu năm 2019					Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2019					Chủ đầu tư	Ghi chú	
		Tổng cộng	Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Hỗ trợ của TPHCM	Tổng cộng	Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Hỗ trợ của TPHCM			
1	Dự án nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước	3.000	3.000				3.000	3.000					Chi cục kiểm lâm	
2	Trả nợ mua xi măng của Chương trình xây dựng NTM năm 2018	75.000			75.000		75.000		75.000				Văn phòng điều phối CTMTQG xây dựng NTM tỉnh	
III	Công nghiệp và hạ tầng các khu công nghiệp	52.970		52.970			41.970		41.970					
1	XD công trình cấp điện nông thôn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2013-2020 (đối ứng NSTW)	1.800		1.800			1.800		1.800				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
2	Các tuyến đường số 2, 3, 4, 5 và 7 KCN Đồng Xoài I	45.970		45.970			34.970		34.970				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
3	Hệ thống thoát nước ngoài hàng rào KCN Becamex Bình Phước	5.200		5.200			5.200		5.200				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
IV	Giao thông - vận tải & Hạ tầng đô thị	136.130	6.800	129.330			109.750	6.800	102.950					
1	Hai tuyến đường phục vụ Công viên văn hóa tỉnh (đường Nguyễn Chánh và đường QH số 30)	6.800	6.800				6.800	6.800					Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
2	Nâng cấp đường giao thông vào nhà máy xi măng Minh Tâm, huyện Hớn Quản	12.000		12.000			12.000		12.000				UBND huyện Hớn Quản	
3	Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	61.330		61.330									Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
4	Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT 752 (đoạn thị xã Bình Long đi trường chuyên Bình Long)	40.000		40.000			40.000		40.000				UBND TX Bình Long	
5	Đường số 7 (đoạn còn lại) và một tuyến khác thuộc khu dân cư Bắc tỉnh lý, phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài	6.000		6.000			6.000		6.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
6	Đường ĐT 759B đoạn từ bến xe mới đi xã Thiện Hưng huyện Bù Đốp	10.000		10.000			10.000		10.000				UBND huyện Bù Đốp	
7	Các tuyến đường nối QL 14 với khu dân cư Ấp 1 xã Tiến Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (vốn NS tỉnh đối ứng)						11.000		11.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
8	Đường trục chính từ QL 13 vào khu công nghiệp Tân Khai II huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước						15.000		15.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
9	Cầu bắc qua Sông Bé trên ĐT 760 nối dài						8.950		8.950				UBND huyện Bù Gia Mập	
V	Giáo dục - Đào tạo	103.560			83.560	20.000	98.560			78.560	20.000			
1	Trường MN Hòa Mĩ, TX Đồng Xoài (GĐ2)	12.000			12.000		12.000			12.000			UBND Thành phố Đồng Xoài	
2	Trường Mẫu giáo thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh	14.800			14.800		14.800			14.800			UBND huyện Lộc Ninh	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn giao đầu năm 2019					Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2019					Chủ đầu tư	Ghi chú
		Tổng cộng	Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Hỗ trợ của TPHCM	Tổng cộng	Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Hỗ trợ của TPHCM		
3	Trường THPT huyện Lộc Ninh	21.560			21.560		21.560			21.560		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
4	Trường cấp 2,3 Minh Hưng huyện Chơn Thành	15.200			15.200		15.200			15.200		UBND huyện Chơn Thành	
5	Trường THPT Đồng Phú, huyện Đồng Phú	20.000			20.000		15.000			15.000		UBND huyện Đồng Phú	
6	Trường THPT Bù Gia Mập, huyện Bù Gia Mập	20.000				20.000	20.000				20.000	UBND huyện Bù Gia Mập	
VI	Văn hóa - xã hội	24.200		24.200			56.200		56.200				
1	Dự án xây dựng kè và nạo vét hồ Suối Cam	24.200		24.200			24.200		24.200			Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
2	Trung tâm văn hóa thể dục thể thao huyện Chơn Thành						16.000		16.000			UBND huyện Chơn Thành	
3	Trung tâm văn hóa thể dục thể thao huyện Đồng Phú						16.000		16.000			UBND huyện Đồng Phú	
VII	Quốc Phòng - An Ninh	29.500	5.000	19.500	5.000		29.500	5.000	19.500	5.000			
1	Xây dựng các công trình khu vực phòng thủ	5.000	5.000				5.000	5.000				Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	
2	Nhà khách và nhà ở công vụ cho cán bộ chiến sĩ Công an tỉnh Bình Phước	4.500		4.500			4.500		4.500			Công an tỉnh	
3	Xây dựng trụ sở đội PCCC và CNCH huyện Lộc Ninh	10.000		10.000			10.000		10.000			Công an tỉnh	
4	Xây dựng các hạng mục hạ tầng Sở chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	5.000		5.000			5.000		5.000			Bộ chỉ huy BĐBP tỉnh	
5	Xây dựng nhà ở chiến sỹ, nhà ăn, hội trường và hồ bơi Trung đoàn 736 tỉnh Bình Phước	5.000			5.000		5.000		5.000			Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	
	<i>Dự án khởi công mới năm 2019</i>	<i>548.455</i>	<i>130.355</i>	<i>164.000</i>	<i>254.100</i>	<i>-</i>	<i>814.802</i>	<i>130.355</i>	<i>348.310</i>	<i>336.137</i>	<i>-</i>		
I	Công nghiệp và hạ tầng các khu công nghiệp	54.470	45.470	9.000			62.470	45.470	9.000	8.000			
1	Mương thoát nước ngoài hàng rào Khu CN Tân Khai II	13.700	13.700				13.700	13.700				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
2	Mương thoát nước ngoài hàng rào Khu CN Đồng Xoài III	9.000	9.000				9.000	9.000				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
3	Mương cống thoát nước ngoài hàng rào KCN Đồng Xoài II						8.000		8.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn giao đầu năm 2019					Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2019					Chức đầu tư	Ghi chú
		Tổng cộng	Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Hỗ trợ của TPHCM	Tổng cộng	Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Hỗ trợ của TPHCM		
4	Xây dựng mương thoát nước ấp 7 xã Minh Hưng huyện Chợ Thành (ngoài hàng rào KCN Minh Hưng-Chợ Thành)	8.970	8.970				8.970	8.970				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
5	Mương thoát nước ngoài hàng rào KCN Minh Hưng Sikiko	13.800	13.800				13.800	13.800				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
6	Tiểu dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2018-2020 - Vốn ODA do EU tài trợ (đối ứng NS tỉnh)	9.000		9.000			9.000		9.000			Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
II	Giao thông - vận tải & Hạ tầng đô thị	299.385	41.685	155.000	102.700	-	461.285	41.685	297.310	122.290	-		
1	Đường từ Bù Nho đi Phước Tân, huyện Phú Riềng	37.200	37.200				77.000	37.200	39.800			UBND huyện Phú Riềng	
2	Đường tránh QL 13 đoạn qua thị trấn Lộc Ninh huyện Lộc Ninh						80.000		72.010	7.990		UBND huyện Lộc Ninh	
3	Nâng cấp láng nhựa tuyến đường từ trung tâm xã đi 03 ấp Phước Tiến, Nam Đô đến Ngã ba ấp Sác Xi, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú						21.500		21.500			UBND huyện Đồng Phú	
4	Đường liên xã Tân Quan - Nha Bích, huyện Hớn Quản						9.000		9.000			UBND huyện Hớn Quản	
5	Đầu nối hạ tầng khu dân cư Phú Thịnh (giai đoạn 1) Phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài với đường Hồ Xuân Hương	4.485	4.485				4.485	4.485				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
6	Đường GTNT Bơm Bo-Đak Nhay	28.250		28.250			28.250		28.250			UBND huyện Bù Đốp	
7	Kê và hệ thống đường giao thông dọc hai bên suối Đồng Tiền - suối Tâm Vồng TX Đồng Xoài	75.000		75.000			75.000		75.000			UBND Thành phố Đồng Xoài	
8	Đường ĐT.760 nối dài từ xã Phú Nghĩa đi xã Đa Kía, Phước Minh - huyện Bù Gia Mập	40.000		40.000			40.000		40.000			UBND huyện Bù Gia Mập	
9	Láng nhựa đường từ ngã 3 Phước Lộc đi bến đò xã Phước Tín, TX Phước Long	11.750		11.750			11.750		11.750			UBND TX Phước Long	
10	Đường từ xã An Khương-Trà Thanh-Thanh an huyện Hớn Quản	18.000			18.000		18.000			18.000		UBND huyện Hớn Quản	
11	Đường vào khu nhà ở xã hội xã Tiến Hưng TX Đồng Xoài	14.400			14.400		14.400			14.400		UBND Thành phố Đồng Xoài	
12	Đường giao thông liên xã Long Hà đi Long Bình huyện Phú Riềng	10.000			10.000		10.000			10.000		UBND huyện Phú Riềng	
13	Nâng cấp mở rộng đường ĐT 759B đoạn trung tâm xã Thiệu Hưng đi trung tâm xã Phước Thiện, huyện Bù Đốp	60.300			60.300		60.300			60.300		UBND huyện Bù Đốp	
14	Xây dựng đường Trần Hưng Đạo nối dài (đoạn từ đường Trần Phú đến Hai Bà Trưng), phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài						11.600			11.600		UBND Thành phố Đồng Xoài	
III	Giáo dục - Đào tạo	151.400	-	-	151.400	-	205.847	-	-	205.847	-		
1	Trường mẫu giáo Tân Tiến huyện Bù Đốp	18.000			18.000		18.000			18.000		UBND huyện Bù Đốp	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn giao đầu năm 2019					Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2019					Chủ đầu tư	Ghi chú
		Tổng cộng	Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Hỗ trợ của TPHCM	Tổng cộng	Vốn đầu tư trong cân đối	Thu tiền SD đất	Thu XSKT	Hỗ trợ của TPHCM		
2	Khởi phòng học cấp II tại Trường Tiểu học Bom Bo						18.000			18.000		UBND huyện Bù Đăng	
3	Trường THCS Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập						9.000			9.000		UBND huyện Bù Gia Mập	
4	Trường THCS Đăk O huyện Bù Gia Mập						4.500			4.500		UBND huyện Bù Gia Mập	
5	Hồ bơi, sân bóng đá mini Trường THPT chuyên Quang Trung, thị xã Đồng Xoài	9.000			9.000		9.000			9.000		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
6	Hồ bơi Trường THPT chuyên Bình Long, thị xã Bình Long	9.000			9.000		9.000			9.000		UBND TX Bình Long	
7	Trường Mầm non Minh Thành, huyện Chơn Thành	31.400			31.400		31.400			31.400		UBND huyện Chơn Thành	
8	Trường Mầm non Hoa Hồng, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú	18.000			18.000		18.000			18.000		UBND huyện Đồng Phú	
9	Trường tiểu học Trương Đình huyện Bù Gia Mập	21.500			21.500		21.500			21.500		UBND huyện Bù Gia Mập	
10	Trường tiểu học Bình Thắng B huyện Bù Gia Mập	4.500			4.500		4.500			4.500		UBND huyện Bù Gia Mập	
11	Dự án xây dựng ký túc xá Trường chính trị tỉnh	40.000			40.000		62.947			62.947		Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
IV	Văn hóa - xã hội	19.000	19.000	-	-	-	45.000	19.000	26.000	-	-		
1	Xây dựng hàng rào Khu căn cứ Bộ chỉ huy miền Tả Thiết (giai đoạn 2)	14.200	14.200				14.200	14.200				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
2	Xây dựng đường giao thông và công viên Khu di tích lịch sử Căn cứ Bộ Chỉ huy miền Tả Thiết						8.200		8.200			Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
3	Xây dựng hàng rào hai bên đường từ ngã ba Đồng Tâm đến cây xăng Ngọc Ánh						17.800		17.800			Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
4	Trần xá lủ kết hợp cầu giao thông nội bộ và công xá bùn cát tại di tích căn cứ Bộ chỉ huy quân giải phóng miền Nam Việt Nam 1972-1975	4.800	4.800				4.800	4.800				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
V	Quốc Phòng - An Ninh	24.200	24.200	-	-	-	40.200	24.200	16.000	-	-		
1	Xây dựng, nâng cấp doanh trại Bệnh xá K23 BCH Quân sự tỉnh						10.000		10.000			Bộ chỉ huy QS tỉnh	
2	Xây dựng, nâng cấp Trường Quân sự Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh						5.000		5.000			Bộ chỉ huy QS tỉnh	
3	Xây dựng kho vật chứng Bộ chỉ huy quân sự tỉnh						1.000		1.000			Bộ chỉ huy QS tỉnh	
4	Đồn công an Khu công nghiệp huyện Chơn Thành	11.600	11.600				11.600	11.600				Công an tỉnh	
5	Đồn công an Khu công nghiệp huyện Đồng Phú	12.600	12.600				12.600	12.600				Công an tỉnh	
K	Các dự án năm 2018 được bố trí lại năm 2019 do hụt thu tiền SDĐ khối tỉnh năm 2018						163.170		163.170				Kiểm theo phụ lục 4.4



KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN CHUYỂN TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NTM
NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng.

STT	Huyện, xã	Kế hoạch vốn giao đầu năm 2019	Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2019	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	130.000	130.000	
I	Huyện Lộc Ninh	36.900	36.900	
1	Xã Lộc Thuận	9.500	9.500	Xã về đích nông thôn mới năm 2019
2	Xã Lộc Điền	9.500	9.500	
3	Xã Lộc Thịnh	9.500	9.500	
4	Xã Lộc Tấn	8.400	8.400	Thanh toán khối lượng XD đường GTNT năm 2018 theo KH 1913/KH-BCH được UBND tỉnh phê duyệt ngày 31/10/2018
II	Huyện Hớn Quản	18.700	18.700	
1	Xã Đồng Nơ	9.350	9.350	Xã về đích nông thôn mới năm 2019
2	Xã Tân Hiệp	9.350	9.350	
III	Huyện Đồng Phú	18.600	18.600	
1	Xã Đồng Tiến	9.300	9.300	Xã về đích nông thôn mới năm 2019
2	Xã Tân Hưng	9.300	9.300	
IV	Huyện Chơn Thành	18.600	18.600	
1	Xã Minh Thắng	9.300	9.300	Xã về đích nông thôn mới năm 2019
2	Xã Minh Lập	9.300	9.300	
V	Huyện Bù Đăng	9.300	9.300	
1	Xã Bom Bo	9.300	9.300	Xã về đích nông thôn mới năm 2019
VI	Huyện Bù Đốp	9.300	9.300	
1	Xã Tân Tiến	9.300	9.300	Xã về đích nông thôn mới năm 2019
VII	Huyện Phú Riềng	9.300	9.300	
1	Xã Bình Sơn	9.300	9.300	Xã về đích nông thôn mới năm 2019
VIII	Huyện Bù Gia Mập	9.300	9.300	
1	Xã Bình Thắng	9.300	9.300	Xã về đích nông thôn mới năm 2019

* Ghi chú: UBND các huyện có trách nhiệm giao kế hoạch vốn chi tiết cho các danh mục dự án đến từng chủ đầu tư theo quy định.

DANH MỤC DỰ ÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2020 - 2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐN ngày 7 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)



Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Năng lực thiết kế	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2019	Chủ đầu tư
	Tổng cộng		12.448.394	32.181	
I	Giao thông		12.150.394	29.681	
1	Nâng cấp, mở rộng QL 13 đoạn từ ngã 3 Lộc Tấn đến cửa khẩu quốc tế Hoa Lư	13km	450.000	3.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Xây dựng ĐT 755 nối dài đến ĐT 753	8Km	200.000	1.500	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Xây dựng tuyến kết nối ĐT.753B với đường Đồng Phú - Bình Dương (đoạn Lam Sơn - Tân Phước)	14Km	180.000	1.200	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Xây dựng đường cáp theo đường dây 500KV đoạn Đồng Xoài - Đồng Phú	L=16kmx2 bên=32km;	180.000	1.300	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
5	Xây dựng đường Đồng Huru - Bàu Nàm, huyện Chơn Thành (kết nối các tuyến đường Minh Thành - Bàu Nàm và tuyến Đồng Huru - Minh Thành)	5Km	70.000	500	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
6	Nâng cấp ĐT759 đoạn từ QL14 đến TT xã Phước Tân, huyện Phú Riềng	10km	70.000	500	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
7	Xây dựng các hồ bậc thang Suối Cam (5 hồ chứa cho 5 bậc thang).	- Tưới cho khoảng 250ha. - Cấp nước sinh hoạt với công suất khoảng 20.000m3/ngày đêm	550.000	1.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
8	Xây dựng tuyến cao tốc Chơn Thành -Hoa Lư	80km	8.000.000	1.500	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
9	Dự án xây dựng trường nghề tại khu công nghiệp Becamex Bình Phước	11.700 m2 sàn	150.000	1.500	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
10	Xây dựng hệ thống kênh dẫn 6 km sử dụng nước sau thủy điện cần đơn tưới cho cánh đồng Sóc Nê xã Tân Tiến huyện Bù Đốp	6km	30.000	500	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
11	Xây dựng hệ thống kênh thủy lợi nội đồng xã An Khương đi ấp 2, 3, 4 huyện Hớn Quản	tưới cho 150 ha	30.000	441	UBND huyện Hớn Quản
12	Xây dựng các tuyến đường khu bắc tính (các tuyến đường sau công an tỉnh)	7km	200.000	1.000	UBND thành phố Đồng Xoài
13	Xây dựng đường vào trại giam An phước	6,5km	65.000	500	UBND thành phố Đồng Xoài
14	Xây dựng đường vành đai thành phố Đồng Xoài từ khu Công nghiệp Đồng Xoài I đến đường Phú Riềng Đỏ	15km	450.000	2.000	UBND thành phố Đồng Xoài
15	Xây dựng đường nối từ khu nhà ở xã hội Tiến Hưng đến Khu công nghiệp Đồng Xoài III, thị xã Đồng Xoài:	772m	34.100	500	UBND TP Đồng Xoài
16	Nâng cấp láng nhựa đường Nguyễn Thái Học nối dài (đoạn từ QL13 đi ranh Hớn Quản)	3,6 km	146.100	1.000	UBND thị xã Bình Long
17	Tuyến đường kết nối khu dân cư Đại Nam ra xã Minh Lập huyện Chơn Thành	18 km	150.000	500	UBND huyện Chơn Thành

STT	Danh mục dự án	Năng lực thiết kế	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2019	Chủ đầu tư
18	Các tuyến đường trục xuyên tâm để kết nối hình thành các phường huyện Chơn Thành	12 km	140.000	1.000	UBND huyện Chơn Thành
19	Đường Minh Hưng - Minh Thạnh, huyện Chơn Thành	4,864 km	60.000	500	UBND huyện Chơn Thành
20	ĐH. Đồng Tâm - Thuận Phú (Điểm đầu giao QL.14 tại ấp 4, xã Đồng Tâm, điểm cuối giao ĐT.741 tại ấp Thuận An, xã Thuận Lợi)	13,1 km	36.641	500	UBND huyện Đồng Phú
21	Nâng cấp đường nối trung tâm xã Tân Phước - Đồng Tiến - Đồng Tâm, huyện Đồng Phú	14 km	39.639	500	UBND huyện Đồng Phú
22	Đường từ QL14 xã Đức Liễu đi ĐT755 xã Thống Nhất	11 km	60.000	500	UBND huyện Bù Đăng
23	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL14 đi xã Đăk Nhau	18 km	110.000	1.000	UBND huyện Bù Đăng
24	Đường Tà Thiết - Hoa Lư (giai đoạn 2)	10 km	100.000	1.000	UBND huyện Lộc Ninh
25	Nâng cấp đường 13B từ ngã 3 Chiu Riu đến ngã 3 đường tuần tra biên giới	18km	90.000	500	UBND huyện Lộc Ninh
26	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH từ xã Đa Kia qua xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập đi xã Long Bình, huyện Phú Riềng	12km	60.000	500	UBND huyện Bù Gia Mập
27	Xây dựng đường xã Phú Nghĩa đi xã Phú Văn	17,5km	54.000	500	UBND huyện Bù Gia Mập
28	Nâng cấp đường ĐT 759B đoạn trung tâm xã Phước Thiện đi Cửa khẩu Hoàng Diệu, huyện Bù Đốp	8km	140.000	1.500	UBND huyện Bù Đốp
29	Nâng cấp đường ĐT759 đoạn từ Chợ Tân Thành đi Cửa khẩu Cầu Trắng	6km	35.000	500	UBND huyện Bù Đốp
30	Xây dựng kè đá và cải tạo lòng hồ Bàu Lách gắn với phát triển du lịch huyện Phú Riềng	Lòng hồ 36 ha	120.000	1.200	UBND huyện Phú Riềng
31	Xây dựng cầu Long Tân - Tân Hưng kết nối 02 huyện Phú Riềng và Hớn Quản	Cầu BTCT dài 200m (cần bắc qua Sông Bé)	100.000	1.000	UBND huyện Phú Riềng
32	Đường nhựa từ khu di tích Tà Thiết tới cửa khẩu Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh	6,5 km	49.914	540	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng
II	Giáo dục đào tạo		263.000	2.000	
1	Đầu tư trang thiết bị cho ký túc xá và 06 phòng học Trường Chính trị tỉnh	06 phòng học và thiết bị	68.000	500	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	XD trường THPT Bình Long	70 phòng học lý thuyết; 10 phòng học chức năng	145.000	1000	UBND thị xã Bình Long
3	Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS	20 phòng	50.000	500	UBND huyện Lộc Ninh

STT	Danh mục dự án	Năng lực thiết kế	Khái toán tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2019	Chủ đầu tư
III	An ninh quốc phòng		35.000	500	
1	Xây dựng trụ sở làm việc của Ban CHQS thị xã Phước Long	1.500m ² sàn; 1 trệt, 2 lầu	35.000	500	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh

BỘ TRÍ VỐN TẮT TOÁN CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ QUYẾT TOÁN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 6 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)



Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
	Tổng cộng		19.342		
1	Nâng cấp ĐT 759 gói thầu 3B	282/QĐ-UBND ngày 14/02/2019	5.905	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Đã được kiểm toán và không vượt tổng mức đầu tư
2	Giải phóng mặt bằng phần diện tích 70 m ngoài phạm vi dự án BOT đường Đồng Phú-Bình Dương	1256/QĐ-UBND ngày 14/06/2019	1.709	Công ty TNHH MTV cao su Bình Phước	không vượt tổng mức đầu tư
3	XD các tuyến đường bằng CPSĐ-giai đoạn I tại khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư	116/QĐ-UBND ngày 16/01/2019	381	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Đã được kiểm toán và không vượt tổng mức đầu tư
4	Dự án Hồ chứa nước Đa Bo, huyện Bù Đăng	203/QĐ-STC ngày 28/12/2018	152	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Đã được kiểm toán và không vượt tổng mức đầu tư
5	Sửa chữa, nâng cấp hồ Suối Láp, huyện Bình Long	206/QĐ-STC ngày 28/12/2018	128	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Đã được kiểm toán và không vượt tổng mức đầu tư
6	Sửa chữa, nâng cấp hồ Sóc Xiêm, huyện Bình Long	207/QĐ-STC ngày 28/12/2018	87	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Đã được kiểm toán và không vượt tổng mức đầu tư
7	Công trình Cấp nước sinh hoạt tập trung ấp Phước Lộc, xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng	213/QĐ-STC ngày 28/12/2018	12	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Đã được kiểm toán và không vượt tổng mức đầu tư
8	Cấp nước sinh hoạt tập trung ấp Bù Xa, xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	214/QĐ-STC ngày 28/12/2018	24	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Đã được kiểm toán và không vượt tổng mức đầu tư
9	Nâng cao mực nước hồ hồ NT6 bằng đập cao su đặt trên ngưỡng tràn xả lũ, xã Long Hà	215/QĐ-STC ngày 28/12/2018	35	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Đã được kiểm toán và không vượt tổng mức đầu tư
10	Công trình Sửa chữa mặt đập hồ chứa nước Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	216/QĐ-STC ngày 28/12/2018	29	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Đã được kiểm toán và không vượt tổng mức đầu tư
11	Nâng cấp hệ thống kênh tưới sau đập dâng Tôn Lê Châm, xã Lộc Hưng, huyện Lộc Ninh	219/QĐ-STC ngày 28/12/2018	62	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Đã được kiểm toán và không vượt tổng mức đầu tư
12	Sửa chữa Trạm bơm Đàng Hà, xã Đàng Hà, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	205/QĐ-STC ngày 28/12/2018	142	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Đã được kiểm toán và không vượt tổng mức đầu tư
13	Sửa chữa hệ thống Kênh thuộc Trạm bơm Đàng Hà, xã Đàng Hà, huyện Bù Đăng	211/QĐ-STC ngày 28/12/2018	46	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Đã được kiểm toán và không vượt tổng mức đầu tư

TT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
14	Dự án Hệ thống thủy lợi Hưng Phú, xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng	204/QĐ-STC ngày 28/12/2018	274	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Đã được kiểm toán và không vượt tổng mức đầu tư
15	Bê tông hóa kênh N9, N13 thuộc HTTL Lộc Quang, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	221/QĐ-STC ngày 28/12/2018	154	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Đã được kiểm toán và không vượt tổng mức đầu tư
16	Công trình tưới, cấp nước trại thực nghiệm giống cây trồng vật nuôi tỉnh Bình Phước	220/QĐ-STC ngày 28/12/2018	238	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Đã được kiểm toán và không vượt tổng mức đầu tư
17	Dự án Kiên cố hóa kênh N1, N7, N11 – HTTL Lộc Quang, huyện Lộc Ninh	212/QĐ-STC ngày 28/12/2018	228	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Đã được kiểm toán và không vượt tổng mức đầu tư
18	Đường trục chính từ ĐT 741 đến KCN Đồng Xoài III và IV, xã Tiến Hưng, TP Đồng Xoài	115/QĐ-UBND ngày 16/01/2018	243	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Đã được kiểm toán và không vượt tổng mức đầu tư
19	Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Bình Phước sử dụng vốn NS Trung ương, giai đoạn 2013-2020. Công trình: Xây lắp đường điện THT và TBA các xã: Bù Nho, Phú Riềng, Phước Tân, Long Tân, Long Hà	144/QĐ-UBND ngày 22/01/2019	389	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Đã được kiểm toán và không vượt tổng mức đầu tư
20	Ký túc xá Trường THPT chuyên Quang Trung (giai đoạn 3)	211/QĐ-UBND ngày 29/01/2019	153	Trường THPT chuyên Quang Trung	Đã được kiểm toán và không vượt tổng mức đầu tư
21	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 759 đoạn từ xã Phước Tân, huyện Bù Gia Mập đến thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp kết hợp kê chống sạt lở cấp bách hạ lưu Thủy điện Cần Đơn, huyện Bù Đốp, Km39+000 đến Km48+997	970/QĐ-UBND ngày 15/5/2019	762	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Đã được kiểm toán và không vượt tổng mức đầu tư
22	Đường vào trung tâm xã Thanh An - An Khương huyện Hớn Quản	970/QĐ-UBND ngày 28/05/2019 của UBND huyện Hớn Quản	3.579	UBND huyện Hớn Quản	Đã được kiểm toán và không vượt tổng mức đầu tư
23	Nâng cấp ĐT 759 đền bù	929/QĐ-UBND ngày 09/5/2019	22	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
24	Xây dựng đường N21 bằng cấp phối sỏi đỏ tại Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư, tuyến dài 4309m	05/QĐ-STC ngày 30/01/2019	271	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
25	SCNC công trình cấp nước sinh hoạt tập trung Pa pếch, xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	221/QĐ-STC ngày 28/12/2018	18	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
26	Đường Lộc Tấn - Bù Đốp từ đường N1 đến bến xe mới của huyện Bù Đốp	46/QĐ-UBND ngày 08/1/2019	994	UBND huyện Bù Đốp	Không vượt tổng mức đầu tư
27	Đường giao thông xung quanh tượng đài chiến thắng Đồng Xoài (Hạng mục: Xây dựng đường giao thông xung quanh tượng đài chiến thắng Đồng Xoài; Hạng mục: Cải tạo, sửa chữa Tượng đài chiến thắng Đồng Xoài và Hạng mục: Giải tỏa, đền bù)	977/QĐ-UBND ngày 15/5/2019	329	UBND Thành phố Đồng Xoài	Không vượt tổng mức đầu tư
28	Xây dựng hệ thống thoát nước khu vực ấp Bàu ké thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú	209/QĐ-STC ngày 28/12/2018	374	UBND huyện Đồng Phú	Không vượt tổng mức đầu tư

TT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
29	Bệnh viện đa khoa huyện Bù Gia Mập	603/QĐ-UBND ngày 19/4/2019 của UBND huyện Bù Gia Mập	651	UBND huyện Bù Gia Mập	Không vượt tổng mức đầu tư
30	Dự án hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào DTTS trên địa bàn xã Đăk Ô, huyện Bù Gia Mập (dự án 33)	1740/QĐ-UBND ngày 27/7/2018; 10/QĐ-UBND ngày 03/1/2018	394	UBND huyện Bù Gia Mập	Không vượt tổng mức đầu tư
31	Dự án di dời và ổn định dân DCTD trong lâm phần Ban QLPH Đăk Mai, xã Đăk Ô, huyện Bù Gia Mập (dự án 193)	02/QĐ-UBND ngày 03/1/2018; 1738/QĐ-UBND ngày 27/7/2018; 939/QĐ-UBND ngày 02/5/2018	665	UBND huyện Bù Gia Mập	Không vượt tổng mức đầu tư
32	Nhà làm việc Sở chỉ huy thống nhất A2 Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Bình Phước	952/QĐ-UBND ngày 10/5/2019	851	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Bình Phước	Không vượt tổng mức đầu tư
33	Xây dựng trường Mầm non Tân Tiến đạt chuẩn Quốc gia, xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú. Hạng mục: Xây dựng 04 phòng học, Gói thầu: Mua sắm trang thiết bị bổ sung Trường Mầm non Tân Tiến đạt chuẩn Quốc gia	213/QĐ-UBND ngày 29/01/2019	22	UBND huyện Đồng Phú	Không vượt tổng mức đầu tư
34	Đường vào khu B - Khu Công nghiệp Bắc Đồng Phú	997/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	19	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú	Không vượt tổng mức đầu tư

Phụ lục 4.4
DANH MỤC DỰ ÁN NĂM 2018 ĐƯỢC BỎ TRÍ LẠI NĂM 2019 DO HỤT THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT KHỞI TÌNH
NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2019	Chủ đầu tư	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	163.169		
I	Các dự án tỉnh quản lý	63.169		
1	Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước	4.400	Chi cục kiểm lâm	Vốn chuyển sang từ Dự án trồng rừng thay thế cho diện tích rừng đã chuyển mục đích sử dụng sang thực hiện dự án ĐCĐC cho đồng bào DTTS huyện Bù Đăng
2	Xây dựng hệ thống thoát nước ngoài hàng rào KCN Becamex Bình Phước	18.680	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
3	Dự án xây dựng kè và nạo vét hồ Suối Cam	4.600	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
4	Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT 752 (đoạn thị xã Bình Long đi trường chuyên Bình Long)	13.289	UBND TX Bình Long	
5	Đường giao thông từ ngã ba Cây Cây áp Sóc Bể đi Sóc Bung, xã Thanh Phú, Bình Long	4.000	UBND TX Bình Long	
6	Nâng cấp đường Lộc Tân -Bù Đốp (ĐT 759B) đoạn từ Km 8+000 đến Km 10+500 huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	6.750	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
7	Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	1.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
8	Cầu Long Tân đi Phú Riềng, huyện Phú Riềng	1.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
9	Dự án đường kết nối các khu công nghiệp phía tây nam TX Đồng Xoài	2.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
10	Dự án đường Đồng Tiến-Tân Phú huyện Đồng Phú	1.500	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
11	Dự án xây dựng cầu dân sinh trên địa bàn tỉnh	250	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
12	GPMB (thanh lý cao su) chi trả cho Tập đoàn cao su	3.000	Ban quản lý khu kinh tế	
13	Trường Mầm non Minh Thành, huyện Chơn Thành	700	UBND huyện Chơn Thành	
14	Trường Mầm non Hoa Hồng, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú	500	UBND huyện Đồng Phú	
15	Trường mầm non Tân Phước, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú	1.500	UBND huyện Đồng Phú	
II	Vốn phân cấp	100.000		
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông nội ô	100.000	Thành phố Đồng Xoài	